

CUỐI ĐƯỜNG

Hồi ký của **Vương Mộng Long** - k20

*“Vinh quang một đời của người cầm quân là một món nợ.
Nợ với tổ quốc, với đồng bào, và với thuộc cấp của mình!”
Vương Mộng Long*

—o—

Bảy giờ sáng ngày Ba Mười tháng Tư 1975, tôi dừng quân trên một tọa độ cách thủ đô Sài-Gòn hơn hai chục cây số. Nơi đây là đoạn cuối của Quốc Lộ 1. Chỉ còn một quãng đường ngắn ngủi nữa thôi, Quốc Lộ 1 sẽ chấm dứt. Tối qua, 29 tháng Tư chúng tôi rút về tới Long-Bình thì Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 24 Biệt Động Quân đã di chuyển đi đâu mất rồi. Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân của tôi như con gà con lạc đàn. Tôi vào máy gọi Liên Đoàn 24 BĐQ, gọi Tiểu Đoàn 81 BĐQ, gọi Tiểu Đoàn 63 BĐQ, và gọi cả Sư Đoàn 18 BB/ HQ trên tần số riêng. Tần số nào cũng rối loạn. Tôi không bắt liên lạc được với ai. Nửa đêm, thành linh máy vô tuyến đưa lệnh, chẳng hiểu của giới chức nào, chỉ vắn tắt một câu,

-“Các đơn vị cấp tốc rút về phòng thủ Sài-Gòn!”

Mờ sáng Ba Mười tháng Tư, chúng tôi bỏ Long-Bình, rồi từng bước, rút về hướng thủ đô, để “phòng thủ thủ đô”. Cuối cùng, lết bộ tới Cầu Hang (Biên-Hòa) thì mỗi mệt quá, tôi cho quân dừng lại nghỉ. Trên Quốc Lộ 1, cách Cầu Hang chừng hai trăm mét, hơn sáu chục người lính sống sót cuối cùng của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân bơ vơ. Vào giờ này, quân số Tiểu Đoàn 82 BĐQ bách thắng của Quân Khu 2 còn lại chừng nửa đại đội, với bốn sĩ quan là tôi (Thiếu Tá Vương Mộng Long), Thiếu Úy Thủy, Trung Úy Trâm, Chuẩn Úy Thiệu cùng hơn sáu mươi binh sĩ. Ông Đại Úy Ngũ Văn Hoàn, Tiểu Đoàn Phó chết đêm 28 tháng Tư. Chuẩn Úy Nguyễn Hữu Phước và Trung Úy Đăng mất tích. Thiếu Úy Châu đi thụ huấn chưa về. Thiếu Úy Học, Thiếu Úy Hoàng vắng mặt từ chiều 27 tháng Tư, trước khi tiểu đoàn vào vùng. Chuẩn Úy Gám, Chuẩn Úy Trung, Chuẩn Úy Lê Văn Phước (Ban 3) cùng Trung Úy Trần Văn Phước thất lạc trên đường rút lui từ Hồ-Nai về Long-Bình ngày hôm qua.

Từ nửa khuya, những đơn vị đồn trú ở Long-Bình đã bắt đầu theo cơ giới rút đi. Lúc tôi tới Cầu Hang thì những vị tu hành áo vàng của ngôi chùa Theravada bên kia lộ đang lên xe chạy về hướng Sài-Gòn. Giờ này họ đã quay trở lại. Họ trở lại chùa, vào phòng, khóa chặt cổng ngoài. Có một điều lạ lùng, khác với những lần rút lui từ Quảng-Đức và từ Long-Khánh, đó là, trong lần rút bỏ Biên-Hòa này, tôi không thấy dân chúng bồng bế nhau chạy

theo quân đội. Chiếc xe nhà binh sau cùng di chuyển qua Cầu Hang đã khuất bóng từ lâu. Khoảng tám giờ sáng thì không còn ai đi sau chúng tôi nữa. Sau lưng chúng tôi, thành phố Biên-Hòa có lẽ đã rơi vào tay Cộng Quân. Trước mắt chúng tôi là Quốc Lộ 1, dài mướt mướt, hướng Sài-Gòn. Cuối trời hướng tây có từng cột khói đen cuồn cuộn bốc lên. Trong vài túp lá, quán cóc bên đường xe lửa, xác những người bạn Nhảy Dù chết cách đó một vài ngày còn nằm trên sạp tre. Họ đã hi sinh khi nhổ chốt địch để lấy lại đoạn đường quanh Cầu Hang. Tôi không còn tâm trí đâu mà lo chôn cất cho những người bạn đã kiêu dũng nằm xuống này. Chính tôi cũng không rõ số phận chúng tôi sẽ như thế nào trong vài giờ sắp tới.

Mười giờ sáng Ba Mươi tháng Tư năm 1975. Tôi thẫn thờ rời cái quán cóc bên đường. Chiếc xe Jeep của Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 BB đã khuất dạng nơi khúc quanh có vườn cây xanh, về hướng Thủ-Đức. Tư lệnh đã quay lại tìm tôi, nhưng giây phút cuối cùng, chúng tôi không kịp gặp nhau. Vào giờ phút này, trên máy thu thanh, ông Dương Văn Minh đang oang oang ra lệnh cho chúng tôi buông súng. Ông Dương Văn Minh gọi kẻ thù của chúng tôi là “những người anh em” Chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ, buổi sáng Ba Mươi tháng Tư năm 1975, cuộc chiến tranh Việt-Nam hai mươi năm đi vào trang chói. Đứng trên đường tà vẹt, tôi bàng hoàng, ngỡ ngàng tự hỏi,

-“Có phải ta đang trong cơn ác mộng hay không?”

-“Sao chiến tranh lại có thể kết thúc một cách đột ngột, vô lý, và thê thảm như thế này?”

Chua xót thay! Tôi không mơ. Tôi đang sống với thực tế phũ phàng. Thăng Y Don Near nắm chặt sợi dây ba chạc của tôi, nó khóc sụt sùi,

-“Thiếu Tá ơi! Sao lại thế này? Thiếu Tá ơi! Hu...hu ...hu...”

Từ chiếc máy PRC 25, trên lưng nó, trong tần số liên đoàn, có nhiều giọng đàm thoại lạ. Những hiệu đài không quen, gọi nhau, chửi thề, quát tháo, than van...

Trước mắt tôi, bên kia đường, lá cờ ngũ sắc trong sân chùa bay phất phới. Hai bên quốc lộ, những bộ rằn ri còn bố trí, thế tác chiến sẵn sàng. Những người lính Biệt Động đang chăm chú nhìn cấp chỉ huy của họ. Họ nhìn tôi với ánh mắt của những đứa con nhỏ đang nép mình trong lòng mẹ, vào những buổi ngoài trời giống bão, mịt mù sấm sét. Cảnh này quen thuộc lắm. Những khi tình hình nghiêm trọng, thuộc cấp của tôi thường chờ đợi quyết định của tôi với những cái nhìn kính cẩn, tin tưởng và thương yêu như thế này. Trong mười năm chiến trận, đã có đôi lần tôi bị bỏ lại đằng sau. Đôi lần đơn vị tôi bị dồn vào tình trạng vô cùng nguy khốn, thập tử

nhứt sinh, nhưng thấy con chim đầu đàn còn hiện diện, những người lính dưới quyền tôi vẫn không xiêu lòng, không bỏ vị trí. Nhưng sáng nay, trước mắt họ, người chỉ huy của họ đã trở thành một hình nhân, bất động. Thực sự, tôi không biết phải làm gì bây giờ. Radio chỉ có một chiều; tôi chỉ nghe được; không trả lời được; không hỏi lại được. Có ai cho tôi biết ông Dương Văn Minh lên chức tổng thống lúc nào đâu? Tôi biết hỏi ai rằng ông tổng thống này là thật hay giả? Theo tôi biết, ông tướng này, sau khi giết cụ Diệm để tiến chức, đã bị các nhóm khác hất cẳng về vườn lâu rồi. Sao tự nhiên ông ta trở thành Tổng Thống Việt- Nam Cộng -Hòa được nhỉ? Sao một thường dân có thể lên làm tổng thống dễ dàng thế nhỉ? Đùng một cái, sáng nay, ông ta ra lệnh cho tôi buông súng. Đầu hàng? Đầu hàng cách nào? Đầu hàng ở đâu? Đầu hàng với ai? Giữa đồng không, tôi đứng chết trân. Mặt trời lên, thày trò chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau. Những bàn tay đen đũi Bana, Jarai, Rhadé đưa lên quệt nước mắt.

Hướng Tân-Uyên có tiếng trống múa lân thùng! thùng!...thùng... thùng... nghe lớn dần... lớn dần. Tới Cầu Hang, đoàn múa lân quẹo phải, về tây. Tôi thấy một cán binh Cộng-Sản vai quàng AK, vác lá cờ Mặt Trận Giải-Phóng Miền-Nam đi đầu, tiếp đó là cái đầu lân nhảy múa, rồi một đoàn người điên cuồng, la hét, hoan hô, đả đảo, nối theo sau. Tiếng loa vang vang,

-“Hoan Hô Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-Nam!”

– “Hoan hô!...Hoan hô!”

Thùng!... Thùng!... Hoan hô!...Hoan hô!... Thùng!... Thùng!... Tiếng loa và tiếng trống lân dập dồn theo gió; lá cờ Giải-Phóng khổng lồ, xanh đỏ, uốn éo trong gió.

-“Đù má tụi mi! Tụi mi chọc giận ông phải không?”

Chửi thề xong, ông Hạ Sĩ Phi xả hết một dây đạn M60 về hướng đoàn múa lân. Chỉ là bắn dọa! Đạn bay cao. Đoàn múa lân như ong vỡ tổ, chạy tán loạn. Chiếc đầu lân bị vứt chổng chơ giữa đường. Thằng VC vác cờ cũng quăng cờ, bò lê, bò càng tìm chỗ tránh đạn.

-“Thôi! Ta đi!” Tôi ra lệnh cho những người lính cuối cùng của đơn vị.

-“Minh đi đâu bây giờ, Thiếu Tá?” Thiếu Úy Thủy bắn khoảhỏi.

-“Thì cứ đi về hướng Sài-Gòn, tìm xem có ai ở đâu đó, mình nhập vào với họ.”

Tôi trả lời Thủy. Mà chính tôi cũng chẳng biết mình sẽ dẫn đơn vị đi về đâu! Không mục tiêu, chúng tôi đi rất chậm.

-“Thùng!... Thùng!...Hoan hô!...Hoan hô!” , chúng tôi đi được chừng nửa cây số thì đoàn múa lân lại tiếp tục theo sau lưng.

-“Hoan hô! Hoan hô cái mả cha tụi mi!” Hạ Sĩ Phi lại đổ quạu.

-“Cành! Cành! Cành!... Cành!... Cành! Cành!” Một dây đạn đại liên M60 lại quét ngược về đằng sau. Vẫn chỉ là bắn dọa! Đạn bay cao. Thằng VC vác cò lại vội quăng cò núp đạn. Cái đầu lân lại bị ném chổng chơ trên mặt đường. Đoàn múa lân lại tán loạn chạy chết.

Chúng tôi tiếp tục lê gót theo đường, về hướng Sài-Gòn. Cứ đi được vài trăm mét, lại dừng chân nghỉ mệt. Có mục tiêu nào cho chúng tôi tìm tới đâu mà phải vội vàng? Khi đi ngang khu núi đá vôi Bửu-Long thì thằng Don đưa ống nghe cho tôi,

-“Có Hai Lê Bảy (207) gọi Thái Sơn!”

Tôi nghe tiếng Trung Tá Hoàng Kim Thanh, Liên Đoàn Trưởng LĐ24/BĐQ,

-“Thái Sơn! Đây Hai Lê Bảy! Anh cho hai chiếc xe tới đón chú và con cái về Đường-Sơn Quán. Các đơn vị đang tập trung ở đây chờ lệnh!”

giọng anh Thanh vẫn bình tĩnh, từ tốn, không có vẻ gì là lo lắng.

Nghe ba tiếng “Đường-Sơn Quán”, tôi chợt nhớ thời 1971-1973, ở BCH/BĐQ/QK2 có một biệt đội Biên-Vụ (Viễn Thám) do tôi thành lập, huấn luyện, và trực tiếp chỉ huy. Sáu toán Biên-Vụ trang bị AK, dép râu, nón tai bèo, nghênh ngang, xuôi ngược trên các tuyến đường Hồ Chí Minh, dọc theo biên giới Việt, Miên, Lào, trong căn cứ địa 609, 613, 701, 702, 740. Những cú nổ mìn phá ống dẫn dầu, phá xe tải, bắt cóc cán binh, dọc Trường-Sơn Đông, phá Ngầm 24 trên sông Sé San là một mối đe dọa kinh hoàng hàng ngày đối với đoàn quân xâm lăng vào từ phương Bắc. Chuyện chúng tôi xuất, nhập các mật khu, huấn khu địch, xảy ra như cơm bữa. Những tay súng dưới quyền tôi cũng yêng hùng, ngang tàng như các hiệp sĩ trong phim Hồng-Kông. Họ quen gọi tôi là “Anh Hai”. Bất cứ giờ nào, dù đang lội trong rừng gai mây Plei-Trap Valley hay trong rừng khộp Nam Lyr (Cambốt), họ vẫn nghe được tiếng “Anh Hai” của họ, từ một đỉnh núi cao nào gần đó. Thỉnh thoảng, “Anh Hai” lội rừng chung với họ để thi hành những nhiệm vụ gay go do Quân-Đoàn II giao phó. Tôi và họ, thương nhau như anh em cùng mẹ, cùng cha. Khi cuốn phim “Đường-Sơn Đại-Huỳnh” được chiếu trên màn ảnh các rạp Diệp-Kính, Diên-Hồng, Thanh-Bình, ở Pleiku, thì đàn em của tôi gán cho tôi biệt danh “Đường-Sơn Đại-Huỳnh”

chỉ vì tôi có cái tên Long, trùng với tên ông Lý Tiểu Long, tài tử chính của phim này.



Sau khi “Anh Hai” vào Plei-Me nhận Tiểu Đoàn 82/BĐQ/BP, đơn vị này bắt đầu đánh giặc với cái phong thái “Đường-Sơn” khiến quân thù vừa nghe tên đã khiếp vía. Tôi ở Cao-Nguyên mút mùa, làm sao biết được ở Sài-Gòn cũng có cái quán được đặt tên như trong phim võ hiệp của Tàu? Tôi mở miệng định hỏi anh Thanh tọa độ của Đường-Sơn Quán thì máy liên đoàn đã cúp. Tôi đành cho anh em ngừng lại bên đường, chờ đợi. Chừng nửa giờ sau, hai chiếc xe be từ hướng Thủ-Đức chạy lên. Xe ngừng, ông tài xế ló đầu ra lớn tiếng hỏi,

-“Có phải Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đó không?”

-“Phải rồi! 82 đây!”

-“Lên xe đi! Tôi chở các ông về Đường-Sơn Quán!”

-“Có ai ở đó không?”

-“Đông lắm! Có lẽ các ông là những người tới sau cùng”

Xe trở đầu, chúng tôi lên xe. Tôi, Trung Úy Trâm và thằng Don ngồi trên cabin chiếc xe đi đầu. Chú Thủy và chú Thiều đi xe sau. Thành xe be thấp hơn thành xe GMC, không có thể để đứng, những người lính đành phải ngồi chồm hồm. Ông tài xế xe be, cười rất tươi,

-“Hòa bình rồi! Hòa bình rồi! Hết đánh nhau rồi các anh ơi!”

Tôi là một người lính nhà nghề, nên dù cho “hòa bình” có ở ngay trước mắt, hiệu lệnh phản phục kích xe vẫn được tôi ân cần nhắc nhở cho thuộc cấp. Hai khẩu M60, một của Hạ Sĩ Phi, một của Trung Sĩ Tài, được đặt trên nóc buồng lái của hai chiếc xe be.

Xe đang bon bon trên con lộ vắng thì khựng lại, bò từ từ. Trên mặt lộ, đàng xa, có người dang tay phát phát lá cờ nửa xanh, nửa đỏ, ra hiệu cho xe chạy chậm lại. Tới gần, tôi nhận ra một du kích Việt- Cộng, quân phục xanh, mũ tai bèo, dép râu. Tên du kích cột lá cờ trên cánh tay phải, cờ phát lia, phát lịa. Tay trái nó dương họng khẩu AK 47 hướng vào đầu xe của tôi. Xe vừa ngừng thì hai bên đường có tiếng la,

-“Bắn! Bắn!... Không cho đũa nào chạy thoát!”

Rồi thì tiếng súng đủ loại rộ lên. Những người lính Việt-Nam Cộng-Hoà trên hai chiếc xe be vừa ngừng trên mặt quốc lộ trở thành những cái bia sống. “Hòa bình” rồi, tại sao người taỡ đang tay giết chúng tôi, khi chúng tôi đang trên đường về điểm tập trung để buông súng?

-“Choác! Choác!Choác!”

Tôi tối tăm mặt mũi vì loạt đạn bất ngờ. Tấm kính che gió của chiếc xe tôi đang ngồi lãnh cả chục viên AK của loạt đạn đầu tiên. Mảnh thủy tinh văng rào rào trên đầu, cổ, mặt mũi tôi. Ông tài xế gục trên vô lăng. Thùng nước xe bể, hơi nước phun “phì...phì...” che kín đầu xe. Tôi phóng nhanh xuống đường. Sau một cái lạng mình, tôi đã ở đàng sau thành xe. Tôi rút khẩu Colt 45, vẩy một viên về hướng thẳng du kích. Viên đạn trật mục tiêu. Một BĐQ vừa nhảy khỏi xe, té trên mặt đường. Hình như anh ta bị trúng đạn, không ngồi dậy được. Tôi giựt khẩu M16 trên tay anh,

-“Đưa tao!”

Tôi kéo cơ bằm. Đạn tuôn ra khỏi nòng. Tên du kích giãy giụa trên vũng máu. Lá cờ Mặt-Trận phủ trên mình thẳng du kích. Tôi ghéech mũi súng về lẽ phải con đường, nơi hàng chục họng AK và B40 đang đua nhau nã đạn vào hai chiếc xe be. “Oành!” một trái B40 nổ ngay trước mặt tôi. Tôi cảm nhận rõ ràng nhiều mảnh B40 và đá, sỏi đã ghim vào cẳng mình. Chủ nhân khẩu M16 mà tôi đang xử dụng bị bay mất cái đầu; máu từ cổ anh xịt thành vòi; phần thân thể còn lại của anh giựt giựt trên mặt lộ. Khẩu B40 cách tôi chỉ vài sải tay, ngay bên kia đường. Tôi nhắm đầu thẳng xạ thủ B40 quạt một tràng M16. Ngón tay tôi tiếp tục siết cò. Địch đông lắm. Chúng đứng lố nhố trong vườn có những luống đậu, dây leo. Một băng đạn ria đại vào đây cũng có thể hạ gục cả chục tên. Chúng tôi không dự trù sẽ vướng vào một cuộc giao tranh vừa bất ngờ vừa điên cuồng này. Chúng tôi ở vào cái thế không biết xoay trở cách nào để phản công. Thôi, đành liều mạng! Ai đang

ở đâu nằm tại đó, chống trả. Cũng may, đêm qua, ở Long-Bình, chúng tôi có cả kho đạn lặn lưng cho ngày hôm nay.

Đạn địch từ hai bên đường trước mặt tôi tưới như mưa vào những người lính còn đứng trên xe. Những thân hình rần rì rơi rụng xuống mặt lộ. Có người chân vừa chạm đất, đã lặn ra chết. Có đôi người vừa nhảy ra khỏi sàn xe, còn lơ lửng trên không, tay đã bóp cò, nã đạn về hướng địch. Hầu như ai cũng lo bóp cò. Không ai để ý đến thân thể mình đã trúng thương nơi đâu. Hạ Sĩ Đinh Lít nằm nghiêng dưới gầm xe, tay trái anh đã trúng đạn, xuôi lơ, tay phải ôm cứng khẩu M16. Anh nằm trên vũng máu, mặt anh tỉnh như không. Mặc cho đạn địch cài dày đặc xung quanh. Với một tay còn lại, anh liên tục bắn hết băng đạn này, tới băng đạn khác. Lựu đạn miểng, lựu đạn nổ, lựu đạn cay, B40, M72, chớp nhoá, “Cành! Cành!...” - “Choác! Choác!...” – “Xoẹt! Xoẹt!...” - “Oành! Oành!...” Hai bên đường, địch vẫn tiếp tục ào ra. Xác Việt-Cộng đê lên nhau từng lớp, ngổn ngang.

-“Cành! Cành! Cành!...” Trên xe, Hạ Sĩ Phi vừa rải từng tràng M60 về phía quân thù, vừa la rú như người mất trí,

-“Đù má tụi mi! Chết cùng chết! Ông chết! Tụi mi cũng chết!”

Trưa Ba Mười tháng Tư, trên đoạn cuối của Quốc Lộ 1, một cuộc hỗn chiến loạn đả xà bần đã diễn ra giữa thanh thiên, bạch nhật. Dân chúng tràn ra đường, xem hai bên đánh nhau. Có đôi ba người dân thường, liều mạng chạy vào khu giao tranh, mang vác những Biệt Động Quân bị thương đem đi cứu cấp. Khẩu đại liên của Trung Sĩ Tài trên xe thứ nhì đã được di chuyển xuống lề đường. Điều lạ là, hai phụ xạ thủ của Tài lại là hai em bé trai, tuổi khoảng mười hai, mười ba. Như vậy có nghĩa là, người phụ xạ thủ và tải đạn của Tài đã bị loại ra ngoài vòng chiến.

Đạn nổ rền trời. Đạn bay qua. Đạn bay lại. Việt-Cộng chết. Biệt Động Quân chết. Dân chúng cũng chết! Những người lính Biệt Động cuối cùng của Plei-Me, Vùng 2, ruột đổ lòng thông vẫn ôm súng bắn như khùng, như điên. Hết đạn, những con cạp giấy chết đành dùng tất cả những gì cha mẹ ban cho để tự vệ: Nắm đấm, gót chân, đầu gối, khuỷu tay và cả...răng cũng được sử dụng. Trong phút giây tuyệt vọng, những chiến sĩ Việt-Nam Cộng-Hoà lặn xả vào địch, la hét, vật lộn, đấm đá, cào cấu, cắn xé... Binh Nhứt Liêu Chí Cường (góc Chợ-Lớn) trước khi chết, còn cố ôm cứng một thằng địch để cắn vào mặt nó. Tôi biết chắc người đó là chú Cường, vì cái khăn len xanh cổ hữu, bốn mùa quấn trên cổ chú (cái khăn của người tình phụ).

Tôi đã bắn hết số đạn mang theo trên lưng người lính nằm chết dưới chân tôi. Tôi vừa rướn người, quơ quào được một băng M16 trên sàn xe thì đạn 12,7 ly của địch từ xa ào ào bắn tới. Có tiếng Trung Úy Trâm thét lên, bên hông trái xe,

-“Thái Sơn ơi! Hình như tank tới !”

-“Làm gì có tank! Chỉ có 12,7 ly thôi!”

Đạn phòng không của Việt-Cộng quét sát mặt đường nhựa, toé lửa khi nổ lần thứ hai. Những viên 12,7 ly nổ “đúp” (hai lần), chui qua thân người bị đạn, hất thân mình người đó lên khỏi mặt đất, đục những lỗ to như bàn tay trên thân thể nạn nhân. Trên mặt lộ là cả chục xác Biệt Động Quân không toàn thân. Khẩu M60 của Hạ sĩ Phi đã gãy nát. Hạ Sĩ Phi vỡ óc. Hạ Sĩ Đinh Lít cũng vỡ óc. Sáu bánh xe be xẹp lép. Chiếc xe nằm bẹp xuống mặt đường. Trên sàn xe, trên mặt lộ, chỗ nào cũng ngập máu. Máu đọng thành vũng, máu chảy tràn xuống ruộng. Bên tôi, không còn khẩu M16 nào hoạt động. Những Biệt Động Quân đi trên xe thứ nhứt có lẽ đã chết gần hết. Những người đi trên xe thứ nhì đang là mục tiêu cho khẩu 12,7 ly. Tôi thấy họ rút chạy vào ruộng mía bên phải quốc lộ. Đám dân đứng xem đánh nhau, bị trúng đạn cũng nhiều.

Súng của tôi lại hết đạn rồi. Tôi trườn ra giữa đường để nhặt khẩu AK và giấy đạn của tên du kích. Khẩu đại liên của Trung Sĩ Tài đã gãy làm đôi. Hai em bé tải đạn cho Tài đều chết vì trúng đạn 12,7 ly. Trung Sĩ Tài đang lăn lộn trên vũng máu. Tôi lăn mình vài vòng, tới bên Tài. Tài nhìn tôi, thều thào,

“Chạy đi!... Ông thày...chạy đi!...”

Tôi định xóc Tài lên để dìu anh vào lề đường thì hai mắt anh đã lác. Đạn bay xém bên mình tôi, nổ “toang toác!” trên mặt lộ. Chợt ai đó nắm sợi dây ba chạc sau lưng tôi, lôi tôi chạy về bờ ruộng bên trái quốc lộ.

-“Anh em chết hết rồi. Chạy đi, thày ơi!” đó là tiếng Trung Úy Trâm.

“Toác!Toác!”- “Chú! Chú!” đạn địch đuổi theo. Tôi cắm đầu chạy. Chạy được một hồi thì tôi đuối sức, lảo đảo. Trâm bèn ghé vai, vác tôi lên lưng. Trâm khỏe như một đồ vật. Trâm cõng tôi, nhanh chân lẫn vào rặng dừa bên trái lộ. Hết vạt dừa, Trâm đặt tôi xuống đất.

Chúng tôi lội trên mảnh ruộng vừa gặt xong. Chân tôi vướng gốc rạ. Tôi ngã bõ nhào trên mặt ruộng. Trên mặt ruộng có những đồ chơi của trẻ con vương vãi đó đây. Một con búp bê bằng nhựa, một cái xe hơi bằng nhựa, những chén bát nhỏ tí, cũng bằng nhựa, màu mè xanh đỏ. Tôi chợt nhớ tới gia đình vợ con tôi ngoài Ban-Mê-Thuột. Chắc vợ con tôi đã chết hết. Tôi nghĩ tới đất nước tôi. Đất nước tôi đã mất. Đơn vị tôi đã tan tác. Một phút bất thần, phấn uất, tôi rú lên như con thú,

-“Ôi!...Ôi!... Ông Trời ơi!...Ông Trời ơi!...ơi...ơi...”

Tôi rút khẩu súng Colt ra, kê nòng súng vào mang tai mình, bóp cò. Bàn tay như sắt nguội của Trung Úy Trâm phạt ngang một cú Karaté. Viên đạn bay lên trời. Khẩu Colt văng trên mặt ruộng.

-“Trâm ơi ! Làm ơn! ...Cho anh chết! Trâm ơi!...”

Nước mắt dàn dụa, tôi thất vọng, van lơn. Chẳng nói chẳng rằng, Trung Úy Trâm làm lì, xốc vai tôi bước đi. Ngoài lộ vẫn còn lác đác tiếng đạn bắn qua, bắn lại và tiếng lựu đạn nổ. Trâm lột sợi dây ba chạc của tôi, của anh, mũ sắt của tôi, của anh, vứt trên một gò mả. Trâm từng bước diu tôi về hướng xóm làng gần đó. Giờ đó tôi như con sên yếu đuối, mặc cho chú Trâm tha lời đi đâu thì đi. Chúng tôi vừa đụng đầu một con lộ đất thì một nông dân đạp xe tới chặn đường,

-“Ông Thiếu Tá bị thương hả?”

Thói quen, ngược đời, đi trận tôi thường đeo lon trắng. Về nhà tôi lại đeo lon đen. Người dân đã nhìn thấy cặp lon trắng của tôi. Ông cụ có vẻ động lòng,

-“Ông Trung Úy lấy xe này đưa Thiếu Tá chạy đi! Luẩn quẩn ở đây lâu không tốt đâu!”

-“Cám ơn cụ!”

Trâm lạnh tay nhận chiếc xe đạp thồ từ tay người dân tốt bụng.

Con lộ đất dẫn tới một văn phòng Hội Đồng Xã, cửa đóng, khóa ngoài. Rồi con lộ đất dẫn vào một ngôi nhà thờ xứ đạo. Trong sân nhà thờ, lố nhố nhiều người đang tập trung. Một cái rờ-mooc xe GMC chất đầy súng ống nằm ngay giữa sân. Đó đây, từng đồng quân trang, quân phục VNCH vừa bị cởi bỏ. Trâm dựng cái xe đạp ngay giữa sân. Chú đứng quan sát một phút, rồi thở dài,

-“Cởi quân phục vứt đi thì chỉ còn cái áo mayor với cái quần xà-lỏn. Mình làm sao đây, Thái Sơn?”

Tôi rờ rẫm những khẩu M16 trên chiếc rờ-mooc, “Lên đạn. Dựng khẩu súng thẳng đứng. Đưa nòng súng vào dưới cằm. Lách ngón chân vào cò súng. Nhấn ngón chân xuống. Thế là xong!”

Tôi đang suy nghĩ, sắp thử một cú tự giải thoát nữa, thì chú Trâm van lơn,

-“Thày ơi! Thôi đi thày ơi! Đừng bỏ em, thày ơi! ”

Trung Úy Trâm ôm chặt vai tôi, khóc nức nở như một đứa bé. Thày trò tôi ôm nhau. “Hu ... hu... hu....”

Những người đứng gần đó, bị nỗi đau đón chung lôi cuốn, cũng ôm mặt khóc theo. Như giữa đám ma, cả một khu sân nhà thờ xú đạo vang lên tiếng khóc. Một đám ma không có người chết, mà những người đang đứng đây, chẳng có họ hàng gì với nhau, nhìn nhau, ôm nhau, cầm tay nhau, chúng tôi khóc vùi.

Một thanh niên cưỡi chiếc Honda 90 từ hướng Quốc Lộ 1 phóng tới. Anh kè sát bên tôi, nói nhỏ,

-“Thiếu Tá lên xe, em chở đi trốn.”

Trâm đẩy tôi lên yên sau xe, chú leo lên theo.

-“Chúng nó (VC) chết nhiều lắm! Chúng nó bắt được mấy anh lính bị thương, tra khảo họ xem cấp chỉ huy của họ là ai, đâu rồi? Họ khai có ông Thiếu Tá, chắc chết rồi. Chúng kiểm xác chết. Không có xác Thiếu Tá. Chúng đang túa đi lòng. Em sẽ đưa Thiếu Tá đi dẫu. Không để cho chúng nó bắt.”

Xe chạy trong đường làng quanh co một đổi thì ngừng. Anh thanh niên dựng xe, đập cửa một căn nhà gỗ, mái dứa,

-“Mẹ ơi! Con đây! Hải đây! Mẹ mở cửa cho con!”

Cánh cửa hé mở, một bà già, tiếng Bắc Di-Cự,

-“Đánh nhau, súng nổ ầm ầm mà mày cứ nhơn nhơn ra đường. Về nhà đóng cửa lại cho tao đỡ lo!”

-“Vâng con về ngay. Mẹ cho con gửi hai anh này. Có ai hỏi, mẹ cứ nhận là hai con của mẹ. Anh Cả, anh Hai đi lính vắng nhà lâu rồi, chòm xóm không nhớ mặt đâu! Mẹ làm ơn, làm phúc. Con đi một chút nữa con về ngay. Mẹ đừng lo!”

Bà mẹ nhìn tôi và Trâm, bà biết ngay hai đứa chúng tôi là sĩ quan QLVNCH đang bị truy đuổi. Bà cụ không dài dòng hỏi han. Cụ đưa tay chỉ cho tôi cái tủ đứng góc nhà,

-“Hai đứa lấy quần áo ‘si-vin’ của thằng Hải mà mặc vào ngay đi! Đưa quần áo nhà binh cho tao đi dẫu!”

Thoáng chốc, tôi và Trâm thành hai anh dân sự. Bà cụ Bắc Kỳ đã chôn hai bộ rằn ri dưới bùn ruộng ruộng sau nhà. Trước sân, anh thanh niên (Hải)

con bà cụ đang bơm lốp xe. Tôi và Trâm ngồi uống nước vối nóng, nghe ngóng động tĩnh. Chợt, ngoài đường có tiếng đối đáp,

-“Anh kia! Anh có thấy hai thằng lính rằn ri Ngụy chạy qua đây không?” một giọng Nghệ-Tĩnh gặng hỏi.

-“Có! Chúng nó chạy thẳng sang hướng Thủ-Đức. Đấy! Con đường queo phải! Chỗ cây dứa nghiêng...”

Tên Việt-Cộng chỉ huy liếc mắt vào trong nhà. Thấy tôi và Trâm, nó hỏi trống không,

-“Chứ hai anh kia làm chi rứa? ”

-“Anh Cả và anh Hai của tôi đó!” Hải nhanh miệng.

-“Thưa ông, hai thằng con tôi đi lính ngoài miền Trung. Tụi nó mới đào ngũ về nhà được mấy tuần. Xóm này ai cũng biết.” Bà cụ phân trần.

Thằng Việt-Cộng hết nghi, quay sang đồng bọn, nó ra lệnh,

-“Nhanh lên! Đuổi theo chúng nó nhanh lên! Hướng cây dứa nghiêng. Đứng cho chúng nó chạy thoát! Các đồng chí cẩn thận đấy! Tụi nó có súng!”

Rồi tiếng chân người huỳnh huých chạy đi, xa dần. Bà già lấy khoai lang luộc đưa cho chúng tôi ăn đỡ lòng. Anh Hải rồ máy xe. Nửa giờ sau anh trở về,

-“Thiếu Tá đi được rồi! Quân của chúng nó đi hết rồi.”

-“Hai con có còn tiền để đi xe về quê không? Nếu không mẹ cho!” bà cụ ân cần.

-“Cám ơn bác. Chúng cháu còn tiền đây. Chúng cháu mới lãnh lương. Mãi lo đánh nhau, chưa tiêu đồng nào.” Tôi cảm động nói không nên lời. Bà già nhìn chúng tôi, ánh mắt bà chứa ẩn một tấm tình thương xót bao la.

-“Thưa Mẹ! Con đi!”

-“Thưa Mẹ! Con đi!”

-“Anh đi nhé, Hải! Cám ơn Mẹ và em vô cùng!”

Lần đầu tôi gọi một người không sinh ra tôi là Mẹ. Tôi gọi bà là Mẹ, không ngại ngùng, như thể bà đã là Mẹ tôi, đã sinh ra tôi. Tôi và chú Trâm bước

ra vườn sau, theo bờ ruộng rau muống, leo lên con lộ đá đi về hướng Thủ-Đức. Tôi biết sau lưng tôi, Mẹ và chú Hải còn trông theo.

Hai đứa tôi nhanh chân nhập vào dòng người hướng về Thủ-Đức. Chợ sau lưng tôi có tiếng gọi,

“Thái Sơn ơi! Trâm ơi!”

Thì ra người gọi chúng tôi là Thiếu Úy Trần Văn Thủy. Ba thầy trò tôi không dám lớn tiếng hỏi han nhau về những gì đã trải qua. Chúng tôi đi như những người dân chạy loạn đang tìm đường về nhà, sau khi im tiếng súng. Chúng tôi vào Thủ-Đức. Nhà nhà, cửa đóng kín mít. Vài chiếc xe Cảnh-Sát cháy dở dang. Vài tiệm buôn bị đốt phá. Trong phố đã xảy ra cướp bóc, hôi của. Cổng Trung-Tâm Cải-Huấn Thủ-Đức mở toang. Sân nhà lao vắng tanh. Tội phạm mới ra khỏi khám đang lộng hành (?) Nhiều người tay mang băng đỏ chở nhau trên Honda, trên xe Ford Cảnh-Sát. Xe chạy nhanh như bay, qua lại nhiều lần trên đường phố.

Tới chợ Thủ-Đức, chúng tôi may mắn đón được chiếc xe Lamb chạy đường Thủ-Đức, Thị-Nghè, giá sáu trăm đồng một người. Chiếc xe Lamb bò ì ạch vì quá tải. Xe chúng tôi qua mặt từng đoàn người bận quần đùi, áo thun, chân đất, đang chen vai nhau, đi về hướng thủ đô. Tôi nhận ra, trong đoàn người áo thun, quần xà lỏn đang đi dưới đường, có Thiếu Tá Nguyễn Hữu Tài, Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 81 Biệt Động Quân. Có lẽ anh ta cởi bỏ quân phục nơi Đường-Sơn Quán (?)

Còn cách ngã ba xa lộ Đại-Hàn chừng hơn trăm mét, chúng tôi phải xuống xe đi bộ vòng qua một khu ao cá và ruộng nước bên trái quốc lộ, vì giữa đường có một chiếc tank T54 đang cháy. Có vài cán binh Cộng-Sản Bắc-Việt ôm AK chặn không cho bộ hành và xe cộ qua lại đoạn đường này. Lội hết vạt ruộng thì thầy trò tôi tới xa lộ Đại-Hàn. Lúc này, trên xa lộ, tank T54 và xe chuyển quân của CSBV đang nối đuôi nhau hướng về Sài-Gòn. Sau khi cuốc bộ một đỗi, chúng tôi tới cây cầu đúc. Qua cầu, chúng tôi lẩn trong biển người xuôi ngược.

Chúng tôi về tới Thị-Nghè thì mặt trời xé bóng. Giữa cầu Thị-Nghè là một chiếc M41 đứt xích vì B40. Chiếc chiến xa nằm bẹp, bụng xe đè sát mặt cầu. Trên pháo tháp, có vết máu đã khô, nhưng không thấy xác người chết. Bên cạnh đó, vương vãi vài bộ quân phục Việt-Nam Cộng-Hòa, dây đạn, nón sắt, ba lô...

Tôi không dám về nhà mẹ tôi, sợ trong lúc tình hình lộn xộn, chòm xóm biết mình là sĩ quan QLVNCH, sinh chuyện không hay. Để hai người đàn em chờ trên cầu, tôi đi kiếm nhà người quen, xin cho chúng tôi tá túc. Nhà anh bạn Nguyễn Gia Hân của tôi nằm ngay chân cầu. Bạn tôi là sĩ quan Cảnh-

Sát, Trưởng Đoàn Phòng Vệ Toà Đại-Sứ Hoa-Kỳ. Nhà khóa cửa. Có lẽ gia đình bạn tôi đã di tản rồi. Tôi trở lại cùng Trâm và Thủy.

Qua cầu, chúng tôi tiếp tục đi. Bây giờ, trong phố, người qua lại nườm nượp. Bên lề đường, sát tường rào Sở Thú, những người đi hôi của đang bày bán đủ thứ, chăn màn, quần áo, chén bát, sách truyện, tranh ảnh, rượu bia...

Quên đời? Chỉ còn cách uống rượu. Năm trăm đồng một chai Hennessy. Ba thầy trò tôi kẹp nách mỗi người một chai. Tôi vẩy tay chặn một chiếc xích lô máy để vào Chợ-Lớn, về nhà Trung Úy Trần Văn Phước; vừa có nơi lạ để nghỉ qua đêm; xóm giềng không biết mình là ai; vừa tìm xem chú Phước còn hay mất.

Chiều rồi, nhưng nhà chú Phước còn mở cửa. Trước nhà là cái bảng hiệu “Chiêm-Tinh Gia Trần-Cẩm, Chuyên Bói Bài, Coi Chỉ Tay, Đoán Vận-Mệnh”. Bác Cẩm là thân sinh của chú Phước. Xe ngừng, tôi vừa bước xuống đất thì Phước từ trong nhà ào ra ôm chầm lấy tôi,

“Ôi! Anh Hai! Anh Hai! Mừng quá! Anh Hai ơi!”

Thì ra trong cuộc lui binh dưới mưa pháo ngày 29 tháng Tư, Phước bị tụt lại đằng sau, mất liên lạc với tiểu đoàn. Phước không biết chúng tôi rẽ vào Long-Bình. Phước đi thẳng một lèo, theo xa lộ về tới Sài-Gòn.

Đêm 30 tháng Tư bốn anh em tôi ngồi bên nhau, cạn ba chai rượu. Chú Thủy cho tôi biết rằng, ngay đợt tấn kích đầu của địch, chiếc xe thứ nhì đã bị thương và chết khá nhiều. Nhiều BĐQ bị thương đã được dân chúng di tản đi cứu cấp. Thiếu Úy Thủy đã cố gắng mở một mũi bọc hông phải để giải tỏa áp lực địch nhưng không thành công, vì địch quá đông. Đến lúc khẩu phòng không 12,7 ly của địch tham chiến thì Thủy cho anh em phân tán chạy vào nhà dân. Sau đó Thủy được dân chúng cứu mang, cho quần áo cải trang rút chạy. Chú Thủy nói, hình như chú Thiều bị thương ngay từ phút đầu, không rõ số mệnh ra sao. Sáng Mồng Một tháng Năm 1975, tôi cho Thủy và Trâm một số tiền để làm lộ phí về quê. Từ dạo ấy, anh em chúng tôi không còn dịp gặp lại nhau nữa.

Thời gian trôi...

Mười ba năm sau, cũng vào ngày Ba Mươi tháng Tư, đầu làng, cuối xóm, rợp bóng cờ đỏ sao vàng. Nơi nơi, loa vang vang, bài ca “Mùa Xuân Trên Thành Phố Hồ Chí Minh”. Có một anh Bắc-Kỳ, tuổi lửng lơ, nửa già, nửa trẻ, đạp xe thồ, đèo theo một cái giỏ, đi rao bán cá khô trong khu ngoại ô Thủ-Đức. Tới căn nhà gỗ, mái dứa, anh bán cá khô vừa mở miệng hỏi thăm, một bà người Xứ Quảng đã mau mắn trả lời,

-“Đi rồi! Bán nhà, vượt biên. Năm, sáu năm rồi!”

-“Xin cảm ơn bà. Xin cảm ơn Trời!” anh Bắc-Kỳ mừng rỡ.

Bà chủ nhà nghếch mặt, giương mắt nhìn anh chăm chăm, mà chẳng hiểu ý anh.

Anh bán cá khô lên xe, đạp từ từ theo con lộ đất. Xe tới cổng nhà thờ. Gác chuông lặng câm. Sân nhà thờ vắng ngắt. Trên thánh giá, Chúa cúi đầu. Không biết Chúa có còn nhận ra anh không?

Qua văn phòng Ủy-Ban Nhân-Dân Xã, đến Quốc Lộ 1, anh quẹo phải, ngừng lại bên đường ngồi nghỉ. Nơi đây chỉ cách Đường-Sơn Quán vài cây số. Cũng ngày này, mười ba năm trước, các chiến sĩ của Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân đã tả xung hữu đột trong trận đánh đẫm máu bi hùng cuối cùng. Những người nằm xuống đã sang thế giới bên kia trong quân phục rằn ri, với cái huy hiệu đầu beo, phía trên phù hiệu đó là một bệt tím có chữ số “82” màu vàng. Trưa nay, có lẽ dân chúng trong vùng còn nhớ tới họ, nên cắm vôi bên đường đôi bó nhang, hương khói.

Anh bán cá khô ngồi xẹp trên lều cỏ, rưng rưng,

-“Các chú tha lỗi cho anh...”

Hai bên quốc lộ là rừng bạch đàn. Những cây bạch đàn lớn lên từ lòng đất từng thấm đẫm máu của những anh hùng Plei-Me. Hình như trong gió, thoảng như ru, có tiếng ai, thiết tha, não nuột,

-“Thầy ơi! Chạy đi!... Thầy ơi!...”

Ngồi bên bìa rừng, đôi mắt Đường-Sơn Đại-Huỳnh đăm lệt...

Vương Mộng Long

Nguồn: <https://tiengquehuong.wordpress.com/2015/04/23/vuong-mong-long/>

www.vietnamvanhien.net